

Số: 354/TB-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc thu học phí học kì 2 năm học 2024-2025

Thực hiện kế hoạch năm học 2024-2025 của Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ vào Thời khóa biểu học kì 2 năm học 2024-2025 của Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên - Trường Đại học Kinh Bắc.

Trường Đại học Kinh Bắc thông báo về việc thu học phí đối với các lớp (danh sách kèm theo) như sau:

1. Thời gian thực hiện

- Từ ngày 10/04/2025 đến ngày 10/05/2025

2. Hình thức nộp tiền

- Sinh viên nộp học phí trực tiếp tại phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường Đại học Kinh Bắc.

3. Tổ chức thực hiện

Phòng Kế hoạch – Tài Chính, Phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên, các Khoa phối hợp với Cán bộ quản lý các lớp thông báo, hướng dẫn, đôn đốc sinh viên thực hiện nghiêm túc nội dung thông báo này.

Nơi nhận

- BGH (b/c);
- Các đơn vị (t/h);
- Cán bộ quản lý lớp
- Lưu: VT

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


TS. Phạm Ngọc Trúc

DANH SÁCH HỌC PHÍ CÁC LỚP

(Theo TB 354/TB-ĐHKB ngày 11 tháng 4 năm 2025)

STT	KHÓA	LỚP	Số lượng	HP/1TC (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	Ghi chú
1	Khóa 10	10D.KS	9 TC	484.000	4.356.000	
		10D.LH	9 TC	484.000	4.356.000	
		10D.QTKD1	6 TC	484.000	2.904.000	
		10D.QTKD2	6 TC	484.000	2.904.000	
		10D.KT1	6 TC	484.000	2.904.000	
		10D.KT2	6 TC	484.000	2.904.000	
		10D.CNTT1	9 TC	484.000	4.356.000	
		10D.CNTT2	9 TC	484.000	4.356.000	
		10D.NNA	9 TC	484.000	4.356.000	
		10D.YH1	1 kì		17.500.000	
		10D.YH2	1 kì		17.500.000	
		10D.YH3	1 kì		17.500.000	
		10D.PH1	1 kì		12.500.000	
		10D.PH2	1 kì		12.500.000	
		10D.PH3	1 kì		12.500.000	
2	Khóa 11	11D.KS	16 TC	500.000	8.000.000	
		11D.LH	19 TC	500.000	9.500.000	
		11D.QTKD1	18 TC	500.000	9.000.000	
		11D.QTKD2	18 TC	500.000	9.000.000	
		11D.KT1	19 TC	500.000	9.500.000	
		11D.KT2	19 TC	500.000	9.500.000	
		11D.CNTT1	20 TC	500.000	10.000.000	
		11D.CNTT2	20 TC	500.000	10.000.000	
		11D.CNTT3	20 TC	500.000	10.000.000	
		11D.CNTT4	20 TC	500.000	10.000.000	
		11D.NNA	18 TC	500.000	9.000.000	
		11D.LU	19 TC	500.000	9.500.000	
		11D.LKT	19 TC	500.000	9.500.000	
		11D.YH1	1 kì		18.000.000	
		11D.YH2	1 kì		18.000.000	
		11D.YH3	1 kì		18.000.000	



STT	KHÓA	LỚP	Số lượng	HP/1TC (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	Ghi chú
		11D.PH1	1 kì		13.725.000	
		11D.PH2	1 kì		13.725.000	
		11D.YK1	1 kì		30.000.000	
		11D.YK2	1 kì		30.000.000	
3	Khóa 12	12D.KS	19 TC	500.000	9.500.000	
		12D.LH	20 TC	500.000	10.000.000	
		12D.QTKD	18 TC	500.000	9.000.000	
		12D.KT	20 TC	500.000	10.000.000	
		12D.CNTT1	18 TC	500.000	9.000.000	
		12D.CNTT2	18 TC	500.000	9.000.000	
		12D.NNA	19 TC	500.000	9.500.000	
		12D.LU	19 TC	500.000	9.500.000	
		12D.LKT	19 TC	500.000	9.500.000	
		12D.YH1	1 kì		18.000.000	
		12D.YH2	1 kì		18.000.000	
		12D.YH3	1 kì		18.000.000	
		12D.PH1	1 kì		13.725.000	
		12D.PH2	1 kì		13.725.000	
		12D.YK1	1 kì		30.000.000	
		12D.YK2	1 kì		30.000.000	
		12D.YK3	1 kì		30.000.000	
4	Khóa 13	13D.DL	19 TC	500.000	9.500.000	Bổ sung 2 TC kì 1
		13D.CNTT1	20 TC	500.000	10.000.000	Bổ sung 2 TC kì 1
		13D.CNTT2	20 TC	500.000	10.000.000	Bổ sung 2 TC kì 1
		13D.QTKD	15 TC	500.000	7.500.000	Giảm 1 TC kì 1
		13D.KT	15 TC	500.000	7.500.000	Giảm 1 TC kì 1
		13D.LU	17 TC	500.000	8.500.000	
		13D.LKT	17 TC	500.000	8.500.000	
		13D.NNA	19 TC	500.000	9.500.000	Bổ sung 1 TC kì 1
		13D.YH1	1 kì		18.000.000	
		13D.YH2	1 kì		18.000.000	

STT	KHÓA	LỚP	Số lượng	HP/1TC (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	Ghi chú
		13D.YH3	1 kì		18.000.000	
		13D.PH	1 kì		13.725.000	
		13D.YK1	1 kì		35.000.000	
		13D.YK2	1 kì		35.000.000	
		13D.YK3	1 kì		35.000.000	
		13D.YK4	1 kì		35.000.000	
		13D.YK5	1 kì		35.000.000	

